

DANH SÁCH XÉT DUYỆT ĐẤT DỊCH VỤ THÔN GIA TRUNG 1 ((ĐỢT 1)**(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Quang Minh)**

STT	Họ và tên	Địa chỉ	DT được giao theo ND 64/ND-CP (m2)	DT bị thu hồi được xét đất dịch vụ (m2)	Tỷ lệ % DT đất NN bị thu hồi	Số khẩu	Tổng DT đất dịch vụ được hưởng (m2)	Ghi chú
1	Trần Văn Uân (Nhân)	Tổ 6	2305.8	1760.7	76.4	4	56.9	
2	Ngô Thị Minh (Thiệu)	Tổ 6	2028.0	1819.0	89.7	5	60.5	
3	Nguyễn Thị Phương (Nhân)	Tổ 6	3802.9	3277.4	86.2	5	101.0	Công an xác nhận 5 khẩu gồm: Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Văn Thắng
4	Nguyễn Thị Nhung (Tỉnh)	Tổ 6	4016.4	3234.3	80.5	7	103.8	
5	Hoàng Văn Hay	Tổ 6	577.5	501.0	86.8	7	27.9	
6	Trần Văn Loát	Tổ 6	2574.2	2332.2	90.6	4	72.8	
7	Trần Văn Quát	Tổ 6	1462.0	965.9	66.1	4	34.8	
8	Nguyễn Văn Hiếu	Tổ 6	2074.3	1317.1	63.5	5	46.6	
9	Nguyễn Thị Thính	Tổ 6	804.7	547.9	68.1	2	19.2	
10	Ngô Văn Phùng	Tổ 6	1771.8	1206.8	68.1	4	41.5	
11	Trần Thị Xinh	Tổ 6	2802.8	2350.7	83.9	4	73.3	Công an xác nhận 4 khẩu gồm: Trần Thị Xinh, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Thành Trung
12	Nguyễn Thị Thêu	Tổ 6	1825.6	1492.3	81.7	4	49.5	
13	Nguyễn Thị Đồ	Tổ 6	631.8	524.0	82.9	1	16.6	
14	Nguyễn Thị Châu	Tổ 6	1608.3	1333.0	82.9	2	41.0	
15	Dương Quang Điều	Tổ 6	5019.0	4229.6	84.3	6	129.5	
16	Trương Thị Bén	Tổ 6	3114.8	2592.8	83.2	5	82.0	
17	Nguyễn Quốc Việt	Tổ 6	3221.4	2816.0	87.4	3	84.2	Công an xác nhận 3 khẩu gồm: Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Thị Lai, Nguyễn Thị Hồng Nguyệt
18	Trần Văn Thi	Tổ 6	3233.6	2417.6	74.8	5	77.2	
19	Nguyễn Văn Vụng	Tổ 6	1433.6	1182.0	82.4	4	40.8	
20	Ngô Thị Luận	Tổ 6	3241.3	2626.1	81.0	6	84.9	
21	Nguyễn Thị Khôi	Tổ 6	2881.8	2614.8	90.7	5	82.6	

22	Nguyễn Văn Công	Tổ 6	871.8	797.7	91.5	4	30.2	
23	Nguyễn Thị Vang	Tổ 6	1433.8	1433.8	100.0	3	45.8	
24	Nguyễn Văn Ôi	Tổ 6	3525.5	3298.7	93.6	6	103.6	
25	Trần Ngọc Chuyên	Tổ 6	2221.2	2099.6	94.5	4	66.3	Công an xác nhận 4 khẩu gồm: Trần Hoài Văn, Trần Trung Hiếu, Trần Ngọc Chuyên, Dương Thị Khang
26	Nguyễn Văn Luân	Tổ 6	1624.6	1325.6	81.6	6	48.8	
27	Trần Thị Lộc	Tổ 6	3191.8	2386.0	74.8	1	68.3	Công an xác nhận 1 khẩu gồm: Trần Thị Lộc
28	Nguyễn Văn Khu	Tổ 6	2541.5	1911.7	75.2	4	61.1	
29	Nguyễn Thị Nghi	Tổ 6	1353.3	870.1	64.3	2	28.2	
30	Trương Thị Mên	Tổ 6	1896.6	1285.2	67.8	4	43.7	
31	Dương Thị Thủy	Tổ 6	2770.2	2428.6	87.7	4	75.5	
32	Nguyễn Thị Sỏi	Tổ 6	3258.4	2197.9	67.5	7	75.1	
33	Nguyễn Thị Thanh	Tổ 6	2210.2	2159.2	97.7	4	68.0	
34	Nguyễn Thị Nhung	Tổ 6	2487.5	1584.6	63.7	4	52.0	
35	Trương Văn Lùng	Tổ 6	843.6	843.6	100.0	4	31.4	
36	Nguyễn Văn Chúc	Tổ 6	2595.3	2297.5	88.5	4	71.8	
37	Nguyễn Đức Huân	Tổ 6	5080.1	4204.1	82.8	4	124.8	Công an xác nhận 4 khẩu gồm: Nguyễn Đức Huân, Đào Thị Thủy, Trần Thu Huyền, Nguyễn Mạnh Hùng
38	Nguyễn Văn Đầm (Lê)	Tổ 6	1775.4	1333.7	75.1	3	43.0	
39	Trần Đăng Cảnh (Kinh)	Tổ 6	2136.7	1787.5	83.7	3	55.7	
40	Dương Thị Học (Vinh)	Tổ 6	2,087.5	1211.0	58.0	5	43.6	
41	Nguyễn Văn Uy	Tổ 6	2451.3	1930.4	78.8	4	61.6	